

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HN ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Lư Thị Thùy D, sinh năm 1998

*Địa chỉ:* ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987

*Địa chỉ:* ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lư Thị Thùy D trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh S tự quen biết, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/01/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường hay cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Nay chị nhận thấy cuộc

sống hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thành N, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2010 và Nguyễn Lư Kim N1, giới tính: Nam, sinh ngày 25/9/2014, hiện các con đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Thanh S* quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Lư Thị Thùy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thanh S tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt là chưa chấp hành theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuyên xử chấp nhận cho chị Lư Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Giao con chung tên Nguyễn Thành N, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2010 và Nguyễn Lư Kim N1, giới tính: Nam, sinh ngày 25/9/2014 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí hôn nhân gia đình buộc chị D phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thanh S, hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Chị Lư Thị Thùy D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Thanh S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

**Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh S chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị D yêu cầu ly hôn vì cho rằng chị và anh S chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc, T đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh S không tham dự. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị D và anh S chung sống phát sinh mâu thuẫn lại không tạo điều kiện hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, chị D kiên quyết yêu cầu được ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lư Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

[2]. Về con chung: Chị D và anh S sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Thành N, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2010 và Nguyễn Lư Kim N1, giới tính: Nam, sinh ngày 25/9/2014, hiện tại cháu đang sống chung với chị D. Anh S biết chị D yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Thành N và cháu Nguyễn Lư Kim N1 hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Biên bản lấy lời khai của các cháu, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Lư Thị Thùy D phải chịu theo quy định.

[6]. Về phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định, Toà chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lư Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành N, giới tính: Nam, sinh ngày 27/12/2010 và Nguyễn Lư Kim N1, giới tính: Nam, sinh ngày 25/9/2014 cho chị Lư Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lư Thị Thùy D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004438 ngày 14/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị D không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND phường A, thành phố C.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Minh Mẫn**